

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho tỉnh
Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (nguồn vốn sự nghiệp);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 631/TTr-TNMT ngày 29/9/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu của Kế hoạch hành động

1.1. Mục tiêu chung:

- Cập nhật, xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu cho tỉnh Phú Thọ;
- Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho tỉnh, tiến tới nền kinh tế các bon thấp phát triển bền vững; phòng, tránh và giảm thiểu những hiểm họa do biến đổi khí hậu đem lại, bảo vệ cuộc sống của người dân;
- Thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu, tích cực thực hiện cam kết của Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ khí hậu trái đất;
- Giảm lượng phát thải khí nhà kính hướng đến việc triển khai thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính sau năm 2020.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

a. Giai đoạn đến 2030:

* Về thích ứng biến đổi khí hậu:

- Cập nhật xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu cho tỉnh Phú Thọ;
- Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai có độ tin cậy cao, đánh giá được các nguy cơ thiên tai để có giải pháp phòng ngừa kịp thời;

- Lồng ghép phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện của tỉnh;

- Nâng cao năng lực tổ chức, thể chế, chính sách, nhận thức, trách nhiệm về ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực cảnh báo thiên tai của các cơ quan chuyên môn. Hình thành cho mỗi thành viên trong xã hội ý thức chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Giảm dần thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra;

- Chủ động phương án, điều kiện phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương nhất là những vùng dễ bị tác động của thiên tai. Nâng cao khả năng thích ứng của hệ thống hạ tầng, công trình thủy lợi, kinh tế - xã hội, cộng đồng dân cư trước tác động của biến đổi khí hậu;

- Đảm bảo 100% chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực được xây dựng, cập nhật, bổ sung có tính đến các yếu tố biến đổi khí hậu.

* Về giảm phát thải khí nhà kính:

- Phát huy và đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng năng lượng mới và tái tạo;
- Điều tra, kiểm kê, xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ sở trên địa bàn tỉnh;
- Đưa giảm nhẹ phát thải và hấp thụ khí nhà kính thành các chỉ tiêu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b. Giai đoạn sau 2030, tầm nhìn đến 2050:

* Về thích ứng biến đổi khí hậu:

- Chủ động trong công tác phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng BĐKH;
- Lồng ghép phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực;

- 100% cán bộ, công chức được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; trên 80% người dân được nâng cao nhận thức về BĐKH;

- Chủ động phương án, điều kiện phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với tất cả ngành, từng lĩnh vực. Nâng cao khả năng thích ứng của hệ thống hạ tầng, công trình thủy lợi, kinh tế - xã hội, cộng đồng dân cư trước tác động của biến đổi khí hậu;

- Đảm bảo tất cả các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực và vùng được xây dựng, cập nhật, bổ sung có tính đến các yếu tố biến đổi khí hậu.

* Về giảm phát thải khí nhà kính:

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng; từng bước triển khai ứng dụng công nghệ mới ít phát thải khí nhà kính trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp; đẩy mạnh thay thế nhiên liệu hóa thạch bằng các nhiên liệu phát thải các-bon thấp; ứng dụng sâu rộng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất.

- Giảm nhẹ phát thải và hấp thụ khí nhà kính thành các chỉ tiêu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Định hướng ưu tiên trong ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Phú Thọ

2.1. Giai đoạn 2021-2030 (ngắn hạn):

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH.
- Xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu cho tỉnh.
- Đánh giá mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương, xác định nhu cầu tăng cường năng lực thích ứng và các giải pháp cho các tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cho các vùng trong tỉnh.
- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng dân cư về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH.
- Xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu cho từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể, góp phần vào thực hiện việc ứng phó với BĐKH một cách hiệu quả.
- Xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể, góp phần vào thực hiện việc ứng phó với BĐKH một cách hiệu quả.
- Nâng cao năng lực ứng phó và hình thành ý thức thường trực ứng phó với biến đổi khí hậu của các ngành, các cấp và cộng đồng dân cư; nâng cao năng lực và khả năng lồng ghép phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, tích hợp các yếu tố về BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai; đánh giá được các nguy cơ thiên tai.

2.2. Giai đoạn sau 2030, tầm nhìn 2050 (dài hạn):

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức chủ động của cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng dân cư địa phương trong ứng phó thiên tai và BĐKH.
- Tiếp tục xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể, góp phần vào thực hiện việc ứng phó với BĐKH một cách hiệu quả.
- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách, chiến lược tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với định hướng phát triển mới nhằm xây dựng và củng cố nền kinh tế các-bon thấp có khả năng chống chịu và thích ứng cao với các tác động của biến đổi khí hậu.
- Tăng cường hợp tác quốc tế, khẳng định sự chủ động, nỗ lực của tỉnh trong ứng phó với biến đổi khí hậu, vận động hỗ trợ quốc tế về tăng cường năng lực, tài chính, công nghệ để tỉnh ứng phó hiệu quả với các tác động của biến đổi khí hậu.

3. Nhiệm vụ ứng phó BĐKH cụ thể cho từng ngành/lĩnh vực

3.1. Ứng phó, thích ứng, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu đối với các ngành/lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Phú Thọ:

- a. Đối với ngành nông - lâm - ngư nghiệp:
 - Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ: Hỗ trợ đào tạo, tập huấn áp dụng quy trình sản xuất an toàn; đưa cơ giới hóa vào sản xuất.
 - Hỗ trợ công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, liên kết tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm hàng hóa.

- Nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về BĐKH và thích nghi với BĐKH cho người dân; Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân trong mùa mưa lũ, nông nhàn.

- Đào tạo nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ của tỉnh trong phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó và giảm nhẹ tác động tiêu cực do BĐKH trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn tỉnh trước mắt và trong tương lai.

- Tập trung ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ vào sản xuất tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất; đẩy mạnh sản xuất theo quy trình an toàn nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

- Quy hoạch lại sử dụng đất, hệ thống cơ cấu cây trồng, vật nuôi từng vùng cho phù hợp với BĐKH. Bố trí cây trồng hợp lý, nhất là ở những nơi dễ bị tổn thương do BĐKH. Trên cơ sở quy hoạch, vùng đất cao sẽ chuyển sang trồng cây chịu hạn để giảm áp lực về nước tưới, vùng thường xuyên xảy ra úng ngập chuyển sang trồng các loại cây có khả năng chịu úng.

- Đẩy mạnh dồn đổi, tích tụ ruộng đất, liên kết đất đai trong sản xuất nông nghiệp, hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hoá tập trung; tập trung xử lý, thu hồi đất của các nông lâm trường hoạt động kém hiệu quả, chuyển một phần diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất, tạo quỹ đất thu hút các tổ chức đầu tư vào sản xuất nông, lâm, thủy sản; tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu phát triển sản xuất được thuê đất.

- Nâng cao khả năng giảm thiểu tác động của BĐKH tới khả năng cung cấp nước cho trồng trọt, tập trung vào:

+ Quản lý, điều phối việc sử dụng tài nguyên nước một cách khoa học và hiệu quả.

+ Xây dựng đập và hồ chứa để tích trữ nước, kiểm soát lũ và điều hoà nước trong mùa khô. Hoàn thiện hiệu suất sử dụng nước, điều hoà dòng chảy mùa khô thông qua các hồ chứa.

+ Rà soát, đánh giá công năng hệ thống hồ đập, điều chỉnh khả năng tích nước, điều hoà nước trong mùa khô, mở rộng hệ thống tưới tiêu.

- Đẩy mạnh công tác khuyến lâm, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực lâm nghiệp vào sản xuất, chú trọng và tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật về thâm canh rừng; tổ chức tham quan học tập các mô hình sản xuất hiệu quả, mô hình ứng dụng công nghệ chế biến hiện đại.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sản xuất nông nghiệp; xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản, xử lý môi trường nhằm phát triển nông nghiệp xanh, bền vững.

- Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các vùng, khu nông nghiệp công nghệ cao để phát triển các sản phẩm có lợi thế.

b. Đối với ngành công nghiệp và xây dựng:

Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai bảo đảm sự an toàn của cơ sở sản xuất.

- Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn gắn liền với quy hoạch đô thị - dịch vụ liên quan, trên cơ sở đánh giá tác động của BĐKH, tránh các khu vực có nguy cơ ngập lụt, lũ quét, lũ bùn, trượt lở đất cao.

- Tuyên truyền phổ biến cho các doanh nghiệp những kiến thức về BĐKH, những kinh nghiệm, mô hình ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực công nghiệp.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp thay thế công nghệ hoặc đầu tư sử dụng công nghệ cao thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu có cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng các công trình xử lý ô nhiễm môi trường; không cấp phép đầu tư đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

- Tăng cường kiểm tra, có biện pháp hướng dẫn và xử lý chất thải, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất đối với các doanh nghiệp. Di dời hoặc đình chỉ sản xuất đối với các cơ sở gây ô nhiễm không tuân thủ các quy định về môi trường.

c. Đối với ngành xây dựng:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, phát triển đô thị: Coi trọng địa hình tự nhiên, hạn chế thay đổi địa hình, nghiêm cấm việc tự ý đào núi, ngăn, lấp hoặc thay đổi các dòng chảy tự nhiên của sông suối.

- Điều chỉnh hệ thống thoát nước trong các khu dân cư, khu đô thị để đảm bảo ứng phó với thoát nước khi có mưa lũ lớn xảy ra; Tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch và việc xây dựng chương trình phát triển đô thị.

- Tăng cường quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật: Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, nạo vét sông, suối; hệ thống thoát nước đô thị, hệ thống thoát nước thải kênh tiêu thoát nước.

- Rà soát, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật, kinh tế-xã hội, khu đô thị, khu dân cư, phù hợp với các kịch bản biến đổi khí hậu.

- Điều chỉnh địa bàn phân bố, quy mô, chức năng, thiết kế kỹ thuật phù hợp với đặc điểm diễn biến khí hậu, thời tiết trong kịch bản BĐKH.

- Đề xuất cốt nền và mật độ xây dựng phù hợp; kết cấu và kiến trúc công trình phải đảm bảo đáp ứng được yêu cầu chống chịu được gió, bão, lũ có cường độ lớn đối với các dự án phát triển đô thị tại khu vực thấp, trũng, có nguy cơ chịu tác động của biến đổi khí hậu.

- Hình thành hệ thống kiểm soát, hạn chế lũ, lụt, ngập úng trong đô thị: Hình thành các hồ chứa điều tiết ngập lụt, khai thông, nạo vét, cải tạo, gia cố, nắn dòng cho các đường thoát nước đô thị; xây dựng đê, kè, tường chắn lũ, phân dòng lũ, công trình chứa nước ngầm hiện đại quy mô lớn.

d. Đối với ngành giao thông vận tải:

- Sử dụng phương tiện theo niên hạn quy định và thắt chặt thực hiện tiêu chuẩn phát thải đối với phương tiện GTVT đường bộ để hạn chế khí thải độc hại phát ra.

- Nâng cao nền móng và cải tạo các công trình của ngành năng lượng, giao thông vận tải tại các vùng có nguy cơ bị thiên tai đe dọa.

- Tăng cường công tác kiểm tra và bảo dưỡng: Hệ thống kiểm tra đo đạc sự phát thải của phương tiện vận tải nhằm xác định các thành phần gây ô nhiễm và yêu cầu sửa chữa những phần không đạt tiêu chuẩn là cách tiếp cận tiêu chuẩn trên toàn thế giới nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm không khí.

- Phát triển các phương tiện giao thông công cộng để giảm thiểu phương tiện giao thông cá nhân nhằm giảm lượng khí thải; tham mưu các cơ quan có thẩm

quyền thu hồi các loại phương tiện giao thông có lượng khí thải không đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

- Quản lý các tiêu chuẩn xây dựng trong thiết kế và xây dựng đường giao thông phù hợp với đặc điểm khí hậu, thời tiết trong kịch bản BĐKH của tỉnh và điều kiện tự nhiên của mỗi vùng miền.

- Quản lý giao thông: Lượng nhiên liệu sử dụng và khí thải thay đổi đáng kể theo tốc độ của phương tiện. Theo nguyên lý thì quản lý giao thông có thể giảm nhiên liệu và khí thải bằng cách cho các dòng phương tiện được thông suốt. Tốc độ dòng ổn định là yếu tố quan trọng để giảm khí thải nguy hại trên mỗi quãng đường di chuyển.

- Xây dựng, cải tạo và kiên cố hóa hạ tầng giao thông trong khu vực bị ngập lụt; điều tra kỹ hơn về thủy văn, đặc biệt lưu ý mực nước qua các trận lũ trong khu vực khi xây dựng các công trình giao thông; thường xuyên duy trì và bảo trì các tuyến đường.

- Nâng cấp và xây mới hệ thống thoát nước ở các cụm, khu dân cư, đặc biệt ở các đô thị dễ bị ngập lụt, đảm bảo các tuyến đường dẫn đến bệnh viện, các trung tâm sơ tán và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân phối vật tư y tế, đặc biệt trong các trường hợp khẩn cấp.

- Kiểm tra chất lượng đối với các nguyên vật liệu thi công các tuyến đường giao thông trong bối cảnh nhiệt độ ngày càng gia tăng, các hiện tượng thời tiết cực đoan thường xuyên hơn, nhằm đảm bảo chất lượng và tuổi thọ các tuyến đường.

e. Đối với ngành giáo dục:

- Thí điểm xây dựng trường/lớp học phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở một số khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai để tổ chức dạy, học và là nơi phòng, tránh an toàn cho cộng đồng khi có thiên tai xảy ra.

- Tập huấn đội ngũ giáo viên về tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong các cơ sở giáo dục.

- Hoàn thành việc xây dựng nội dung và tổ chức thông tin, tuyên truyền về công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong các nhà trường và cộng đồng.

- Biên soạn tài liệu tuyên truyền về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp.

- Xây dựng Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

f. Đối với ngành y tế và sức khỏe cộng đồng:

- Điều tra, nghiên cứu, đánh giá thực trạng tác động của BĐKH tới sức khỏe người dân, các bệnh tật có liên quan đến BĐKH, các khu vực dễ bị tổn thương để có giải pháp ứng phó kịp thời. Thiết lập hệ thống theo dõi và kiểm kê thường xuyên diễn biến của dịch bệnh của tỉnh. Trên cơ sở đó, tạo cơ sở dữ liệu nhằm đánh giá và phát hiện kịp thời những biến động của sức khỏe cộng đồng.

- Tăng cường năng lực cho các cơ sở y tế xã, phường thuộc các địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao khả năng ứng phó với những hậu quả do BĐKH gây ra, tăng cường khả năng đáp ứng nhanh.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống bệnh viện, trạm y tế, đầu tư trang thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Xây dựng và triển khai các mô hình chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Nước sạch và vệ sinh môi trường (có quan tâm đặc biệt đến các vùng bị ô nhiễm môi trường) vệ sinh cá nhân, chăm sóc sức khỏe ban đầu, thích ứng với biến đổi khí hậu tại các vùng bị ảnh hưởng. Tổ chức các cuộc diễn tập của ngành Y tế ứng phó với các tác động của BĐKH.

- Đầu tư củng cố và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông nâng cao nhận thức người dân về chăm sóc khỏe cộng đồng. Đảm bảo mạng lưới thông tin liên lạc thông suốt phục vụ kịp thời thông tin tuyên truyền về tình hình dịch bệnh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, đối nội, đối ngoại.

g. Đối với ngành thương mại; ngành văn hóa, thể thao và du lịch:

- Nâng cao năng lực thẩm định các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại của các cơ quan cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng.

- Phối hợp với các địa phương trong việc rà soát, điều chỉnh lại các quy hoạch phát triển hạ tầng cơ sở thương mại do trung ương và địa phương đầu tư.

- Tuyên truyền xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải CO₂, sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên trong hệ thống các nhà hàng, khách sạn, khu du lịch trong toàn tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, cập nhật sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng trên toàn tỉnh, đặc biệt là đối với các di tích, danh thắng của tỉnh như Đền Hùng, Đền Mẫu Âu Cơ, Đền Lãng Sơn...; đề ra các biện pháp tu bổ, tôn tạo cho phù hợp.

- Tăng cường sử dụng các chất liệu truyền thống, phương thức truyền thống trong việc tu bổ, phục dựng bảo quản các hiện vật trong bảo tàng, di tích và nhà truyền thống.

- Đối với các hạ tầng thương mại và văn hóa, du lịch hiện có, có nguy cơ ảnh hưởng bởi BĐKH, cần chú ý: Cải tạo, nâng cao cốt nền; xây dựng hoặc nâng cao hệ thống đê bao; xây dựng và nâng cấp hệ thống thoát nước chống ngập lụt; di dời hoặc chuyển đổi loại hình cho phù hợp để thích ứng với điều kiện thực tế.

h. Đối với lĩnh vực tài nguyên nước:

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên quy mô lưu vực. Quản lý tổng hợp nguồn nước theo đúng quy chế đáp ứng nhu cầu của các bên: Sản xuất, tưới tiêu, thủy sản.

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tổng hợp và đa mục tiêu tài nguyên nước; Áp dụng các công nghệ và phương thức sản xuất tiết kiệm nước; Đảm bảo nhu cầu nước; Chủ động phòng, chống, giảm thiểu tác hại tới tài nguyên nước do tác động của biến đổi khí hậu.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về tác động của BĐKH, sử dụng an toàn hợp lý nước mặt và nước ngầm.

- Nâng cấp, mở rộng diện tích, xây dựng mới các hồ chứa nước; bảo đảm cung cấp thông tin dự báo chế độ thủy văn và dòng chảy phục vụ vận hành an toàn các hồ chứa.

- Lập quy hoạch có liên quan đến phát triển bền vững tài nguyên nước trên cơ sở gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Trước hết, ưu tiên rà soát, xây dựng các hồ thủy lợi, thủy điện; hệ thống đê điều... có tính đến BĐKH.

i. Đối với hệ sinh thái và đa dạng sinh học:

- Triển khai thường xuyên hàng năm các đề án tuyên truyền giáo dục cộng đồng về sự cần thiết, về nhiệm vụ bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên đối với việc thích ứng với biến đổi khí hậu để giảm nhẹ thiên tai.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là cộng đồng địa phương tham gia thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; phân công, phân cấp cho chính quyền địa phương, tăng cường vai trò của cộng đồng trong việc tổ chức quản lý, bảo vệ các khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang đa dạng sinh học trên địa bàn. Xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng dân cư ở khu vực vùng đệm khu bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học.

- Triển khai dự án phát triển năng lực bảo vệ rừng, kiểm soát cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Khi xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội cần hạn chế tới các vườn quốc gia, khu bảo tồn đa dạng sinh học....

- Nghiên cứu, chọn lọc các loài có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu đồng thời không gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của các loài khác để phát triển.

- Tăng cường cơ sở vật chất phòng chống cháy rừng.

- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật giúp các loài thích ứng được với điều kiện BĐKH.

- Khuyến khích người dân nuôi, trồng các giống bản địa vì đây là nguồn gen quý đã được chọn lọc tự nhiên qua sự biến đổi của môi trường sống nên chúng có khả năng chống chịu cao hơn trước những thay đổi bất thường của khí hậu.

3.2. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

a. Thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và triển khai các dự án theo cơ chế phát triển sạch trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng các-bon thấp, tái cấu trúc các ngành kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực tiêu tốn ít năng lượng; từng bước hạn chế phát triển các nhóm ngành kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, đời sống dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án về phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng mới.

b. Đẩy mạnh các hành động giảm nhẹ khí nhà kính và tăng cường các bể hấp thụ khí nhà kính:

- Thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp xanh, đảm bảo phát triển bền vững, an ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo.

- Triển khai các quy hoạch, phương án, công nghệ quản lý, xử lý chất thải và tái sử dụng nước thải nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Đẩy mạnh tái sinh và trồng rừng tự nhiên, các hệ sinh thái, các bể hấp thụ các-bon trong tự nhiên.

- Xây dựng và áp dụng các chính sách hỗ trợ chuyển đổi mục đích kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn, thu nhập chính từ sản phẩm là gỗ sang thu nhập từ chi trả môi trường rừng thông qua việc hấp thụ CO2 của rừng.

- Tổ chức thực hiện chương trình sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, phục vụ công cộng và đời sống sinh hoạt.

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về cơ chế chính sách và tổ chức quản lý:

- Tăng cường công tác quản lý việc thực hiện Kế hoạch thông qua Ban chỉ đạo và Ban chỉ đạo có giao rõ trách nhiệm trong việc quản lý thực hiện Kế hoạch và sẽ có những điều chỉnh khi cần thiết.

- Tăng cường năng lực tổ chức, quản lý của lãnh đạo các đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành liên quan trong tỉnh về BĐKH.

- Đẩy mạnh phối hợp, tham gia của các cơ quan liên quan như: Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc thực hiện kế hoạch, phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện kế hoạch.

4.2. Giải pháp khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế:

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi thông tin về xây dựng chính sách và triển khai các nội dung cơ bản của chiến lược, chính sách về BĐKH. Cụ thể hóa chiến lược quốc gia về BĐKH bằng các đề tài, dự án nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thời tiết cực đoan trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng hiệu quả công nghệ ứng phó với BĐKH trong các ngành/lĩnh vực một cách hiệu quả. Kết hợp với các Sở, ban ngành đặc biệt là Sở Khoa học và Công nghệ, tiến hành triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên sâu về BĐKH và các giải pháp ứng phó với BĐKH một cách cụ thể.

- Có phương án tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ của quốc tế trong các vấn đề liên quan đến BĐKH, vấn đề chuyển giao công nghệ; tăng cường năng lực; đề xuất các hướng tài trợ nhằm huy động tối đa sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực BĐKH trên địa bàn nhằm mang lại những giải pháp ứng phó hữu hiệu và có hiệu quả kinh tế cao.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của các nước và tổ chức quốc tế về tài chính, nâng cao năng lực và công nghệ trong thực hiện các chiến lược, chính sách về BĐKH.

4.3. Giải pháp về đào tạo, thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức:

- Xây dựng kế hoạch cho cán bộ quản lý nâng cao trình độ kiến thức về BĐKH và các kỹ thuật thích ứng với BĐKH bằng việc kết hợp đào tạo hoặc nhờ các

chuyên gia, đơn vị nghiên cứu chuyên sâu hỗ trợ để có đội ngũ hiểu biết về BĐKH nhằm tuyên truyền và nâng cao nhận thức trong cộng đồng.

- Tổ chức các lớp tập huấn về BĐKH và giải pháp ứng phó với BĐKH cho các đơn vị trong các ngành/lĩnh vực từ cấp sở đến cấp huyện để triển khai rộng rãi đến xã, thôn, hộ gia đình khi dự báo có liên quan đến thiên tai.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền thông tin nhằm nâng cao nhận thức của các cấp quản lý và người dân về BĐKH và kỹ thuật thích ứng với BĐKH.

4.4. Giải pháp về tài chính:

- Huy động các nguồn lực, bao gồm nguồn xã hội hóa, nguồn tài chính của Trung ương, các dự án ODA, của các tổ chức phi chính phủ thông qua các chương trình liên quan đến nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật, các dự án phát triển và nhân rộng mô hình thích ứng, hỗ trợ sinh kế, đặc biệt là tại các địa bàn có nguy cơ ảnh hưởng cao do BĐKH và những địa phương chịu nhiều ảnh hưởng của BĐKH.

- Đề nghị sự hỗ trợ, phân bổ kinh phí cho hoạt động ứng phó với BĐKH của Chính phủ, các Bộ ngành của Trung ương cũng như cần phải có kế hoạch lồng ghép kế hoạch ứng phó với BĐKH vào các kế hoạch phát triển của ngành thông qua các dự án phát triển cụ thể.

- Xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần dự báo và đánh giá tác động của BĐKH, kế hoạch ứng phó với BĐKH thông qua các kịch bản đã phê duyệt.

- Ưu tiên đầu tư kinh phí và vật chất nếu có cho công tác nâng cấp các hệ thống hạ tầng, các đánh giá tác động của BĐKH đến các ngành, lĩnh vực một cách chuyên sâu nhằm tăng khả năng ứng phó với BĐKH trong toàn tỉnh.

4.5. Giải pháp về kiểm tra, giám sát và đánh giá:

- Có thể tham khảo hệ thống giám sát và đánh giá cấp quốc gia để xây dựng hệ thống giám sát áp dụng cho tỉnh Phú Thọ trên cơ sở các điều kiện thực tế tại địa phương.

- Tiến hành việc kiểm tra, giám sát và đánh giá theo định kỳ về việc thực hiện Kế hoạch từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã để đảm bảo việc thực hiện Kế hoạch được hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch báo cáo UBND tỉnh để kịp thời có những điều chỉnh trong quá trình thực hiện Kế hoạch tại tất cả các địa phương trong tỉnh.

5. Kinh phí thực hiện

- Tổng số kinh phí thực hiện 53 nhiệm vụ, dự án ưu tiên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Phú Thọ ước tính khoảng 213.985 tỷ đồng.

- Giải pháp về nguồn tài chính: Tạo điều kiện thuận lợi để khai thác các nguồn vốn đầu tư như: Vốn của Chính phủ; các Bộ ngành Trung ương trong Chương trình Mục tiêu Ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh, Chiến lược Quốc gia Phòng chống và Giảm nhẹ thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050; Tổ chức phi chính phủ (NGO) và vốn các thành phần kinh tế khác.

- Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách trung ương: 40%; ngân sách tỉnh 20%; vốn đầu tư, vốn vay nước ngoài: 30%; vốn huy động xã hội hóa và các nguồn vốn khác: 10%.

- Cơ chế tài chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ chế tài chính phù hợp nhằm huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương đề xuất, xây dựng cơ chế chính sách quản lý, điều hành thực hiện Kế hoạch hành động, trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo chức năng nhiệm vụ đã được quy định.

- Xác định mục tiêu, xây dựng nhiệm vụ, tính toán kinh phí và đề xuất các giải pháp thực hiện để tổng hợp vào kế hoạch 5 năm, hàng năm trình UBND tỉnh; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính để chuẩn bị kinh phí chi tiết và phân bổ nguồn lực cho các Sở, ngành và các địa phương để trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn và hỗ trợ các Sở, ngành và địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch hành động.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Điều phối chung các hoạt động về thông tin, giáo dục và truyền thông liên quan đến biến đổi khí hậu; Hướng dẫn, giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động.

- Làm nhiệm vụ Văn phòng thường trực của Ban Chỉ đạo.

6.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành và địa phương rà soát và điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

- Chủ trì xây dựng, thông tin các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho các ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường điều phối các nguồn vốn cho các đề án, dự án và nhiệm vụ của Kế hoạch hành động.

6.3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài nguyên và Môi trường phân bổ kinh phí cho các đề án, dự án và nhiệm vụ của Kế hoạch hành động.

6.4. Các Sở, ngành, đoàn thể:

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch hành động.

- Chủ động tham gia các hoạt động phối hợp chung theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo.

- Đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu và có hiệu quả nguồn vốn của Kế hoạch hành động; đồng thời chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép các hoạt động của kế hoạch này vào các hoạt động liên quan thuộc các chương trình, kế hoạch khác thuộc lĩnh vực của mình nhằm đạt được mục tiêu của Kế hoạch.

- Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, cơ quan báo chí có trách nhiệm trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền các văn bản, quy định của trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về BĐKH để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện

đúng theo quy định; nâng cao vai trò tham gia đóng góp, kiểm tra, giám sát của cộng đồng trong quá trình thực hiện kế hoạch.

6.5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể trong tỉnh:

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Giám sát, đề xuất việc thực hiện các chính sách pháp luật về BĐKH.

- Ngoài ngân sách của nhà nước, tổ chức vận động các tổ chức, cá nhân cùng tham gia đóng góp nguồn lực để triển khai kế hoạch này.

6.6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị:

- Thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch hành động.

- Chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép các hoạt động liên quan khác trên địa bàn để đạt được các chỉ tiêu trong Kế hoạch hành động.

6.7. Tham gia của các tổ chức xã hội, khối doanh nghiệp và toàn dân:

- Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia.

- Huy động cộng đồng, hộ gia đình tham gia tích cực xây dựng, vận hành và quản lý các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu, nhân rộng và phổ biến kinh nghiệm các mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Thành lập các tổ chức tự quản để giám sát và ứng phó nhanh với tác động có hại của biến đổi khí hậu, đặc biệt là các thiên tai bất thường.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức phi chính phủ thực hiện các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở cấp cộng đồng; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức phi chính phủ tham gia vào các quá trình hoạch định chính sách, chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Có cơ chế chính sách để khuyến khích khối doanh nghiệp đầu tư vào các dự án thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

7. Cơ chế giám sát, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động

7.1. Nội dung giám sát, đánh giá và chế độ báo cáo:

- Giám sát, đánh giá việc huy động và phân bổ các nguồn lực cho các mục tiêu của Kế hoạch hành động: Kết quả và hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung, giải pháp của Kế hoạch hành động: Kết quả và tiến độ thực hiện.

Giám sát, đánh giá, báo cáo việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách của Kế hoạch hành động: Sự tuân thủ và tác động của các chính sách, cơ chế đối với việc thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ ưu tiên của Kế hoạch hành động.

Giám sát, đánh giá, báo cáo việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động của các đơn vị, ngành, địa phương: kết quả và tiến độ thực hiện.

Phát hiện những mặt mạnh, mặt yếu, những thiếu sót và những thách thức cũng như các cơ hội trong thực hiện Kế hoạch hành động. Trên cơ sở đó chỉ ra những nguyên nhân và kiến nghị cách thức, phương hướng khắc phục hoặc phát huy.

7.2. Quy định cụ thể về giám sát, đánh giá, chế độ báo cáo kết quả thực hiện:

a. Cấp huyện, thị xã và thành phố:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường: Là đơn vị thường trực của UBND huyện,

thị xã, thành phố, chịu trách nhiệm quản lý, lưu giữ những số liệu, thông tin liên quan; kiểm tra, hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị có liên quan cấp huyện gửi báo cáo định kỳ; tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm gửi UBND cấp huyện.

- Ủy ban Nhân dân cấp huyện tổng hợp thông tin và gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm (trước ngày 20/6 và ngày 20/10) về Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo.

b. Cấp tỉnh:

- Các Sở, ngành chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm 6 tháng và hàng năm (trước ngày 20/6 và ngày 20/10) về Ban Chỉ đạo thông qua Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm quản lý, lưu giữ thông tin do các huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ngành báo cáo; đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo theo đúng định kỳ; kiểm tra nguồn số liệu và độ tin cậy của các số liệu; Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm (trước ngày 30/6 và ngày 30/10), báo cáo Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- VP Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP TH;
- Lưu: VT, KT4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trọng Tấn

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN XÂY DỰNG, CẬP NHẬT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050
 (Kèm theo Quyết định số 2664./QĐ-UBND ngày 13.. tháng 10.. năm 2020 của UBND tỉnh Phú Thọ)

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
I.	Thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với thiên tai		35.400		
1.	Xây dựng, phân vùng và lập bản đồ phân vùng nguy cơ ngập lụt, lũ quét dưới tác động của BĐKH trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các biện pháp tránh, giảm thiểu thiên tai	2021-2025	5.000	Sở TN&MT	Sở, Ban, Ngành liên quan
2.	Củng cố và xây dựng hệ thống cảnh báo lũ quét trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2030	10.000		
3.	Nghiên cứu, cảnh báo lũ lụt và hạn hán các vùng trong tỉnh Phú Thọ	2021-2025	1.000		
4.	Điều tra, đánh giá khoanh vùng các khu vực có nguy cơ sạt lở đất trong bối cảnh BĐKH trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	5.000		
5.	Điều tra, đánh giá và phân vùng cảnh báo rủi ro do BĐKH trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	5.000		
6.	Xác định cấp độ rủi ro thiên tai khí tượng cho từng loại thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	3.000		
7.	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch xây dựng đối với những khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai	2021-2030	5.000	Sở Xây dựng	Sở, Ban, Ngành liên quan
8.	Điều tra đánh giá tác động và đề xuất các giải pháp ứng phó với BĐKH cho ngành khai thác khoáng sản, chế biến chè	2021-2025	900	Sở Công thương	Sở, Ban, Ngành liên quan
9.	Hỗ trợ kiểm toán năng lượng tại những cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh	2021-2025	500		
II.	Đảm bảo an ninh lương thực và tài nguyên nước		43.500		
10.	Nghiên cứu thử nghiệm việc đưa nước mưa vào lòng đất vùng đồi tỉnh Phú Thọ	2021-2050	12.000	Sở TN&MT	Sở, Ban, Ngành liên quan
11.	Điều tra, khảo sát và đánh giá chất lượng nước, khả năng chịu tải của các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong điều kiện biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội	2021-2030	5.000		

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
12.	Đánh giá, dự báo biến động tài nguyên nước mặt và khả năng đáp ứng nhu cầu khai thác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong điều kiện biến đổi khí hậu	2021-2030	4.000		
13.	Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) và đề xuất các biện pháp thích ứng cho tỉnh Phú Thọ	2021-2025	2.000	Sở NN&PTNT	Sở, Ban, Ngành liên quan
14.	Nghiên cứu và xây dựng mô hình kinh tế trang trại thích ứng với biến đổi khí hậu	2021-2025	2.000		
15.	Xây dựng chương trình chọn, tạo, khảo nghiệm giống cây trồng thích hợp cho các vùng chịu ảnh hưởng bất lợi của biến đổi khí hậu	2021-2030	3.500		
16.	Xây dựng mô hình thí điểm cung cấp nước cho sản xuất vào mùa khô và nước sạch khi có lũ	2021-2050	15.000		
III.	Bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học		22.000		
17.	Đảm bảo sự tham gia của nhóm dân tộc thiểu số trong quá trình thực hiện chương trình giảm khí thải nhà kính từ nỗ lực giảm mất rừng và giảm suy thoái rừng	2021-2030	5.000	Sở NN&PTNT	Sở, Ban, Ngành liên quan
18.	Nghiên cứu khả năng phát triển các dự án CDM trên cơ sở phục hồi và phát triển rừng miền núi	2021-2025	3.000		
19.	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới an ninh việc làm, an ninh lương thực và đói nghèo của tỉnh Phú Thọ	2021-2025	3.000		
20.	Tăng cường khả năng chống chịu các tác động của biến đổi khí hậu thông qua xây dựng mô hình nông lâm kết hợp, phục hồi những khu rừng bị suy thoái	2021-2030	3.000		
21.	Điều tra, đánh giá, đề xuất các biện pháp ngăn chặn, kiểm soát sự gia tăng các loài sinh vật ngoại lai xâm hại trong điều kiện biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	3.000	Sở TN&MT	Sở, Ban, Ngành liên quan
22.	Nghiên cứu nâng cao tích lũy các-bon ở các loại rừng tự nhiên tại các khu bảo tồn thiên nhiên và Vườn quốc gia tại Phú Thọ nhằm tham gia tiến trình REDD ở Việt Nam	2021-2030	2.000		

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
23.	Điều tra, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học phục vụ xây dựng hành lang bảo vệ các lưu vực sông chảy qua địa bàn tỉnh Phú Thọ trong điều kiện biến đổi khí hậu	2021-2025	3.000		
IV.	Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu; phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp		46.285		
24.	Rà soát quy hoạch giao thông tỉnh Phú Thọ trong bối cảnh biến đổi khí hậu	2021-2025	310	Sở GTVT	Sở, Ban, Ngành liên quan
25.	Chuyển giao công nghệ thân thiện với khí hậu trong khuôn khổ Công ước Khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu	2021-2050	30.000	Sở KH&CN	Sở, Ban, Ngành liên quan
26.	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống điều khiển tự động phù hợp với công nghệ ép sản phẩm cho dây chuyền thiết bị sản xuất gạch không nung cốt liệu tại Phú Thọ	2021-2025	475		
27.	Rà soát và xây dựng kế hoạch loại bỏ những công nghệ kém hiệu quả, không thân thiện với khí hậu trong ngành Nông nghiệp, Công nghiệp, Giao thông vận tải, Năng lượng	2021-2025	2.000		
28.	Tổ chức điều tra và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch trên địa bàn toàn tỉnh	2021-2025	3.000	Sở VH&DL	Sở, Ban, Ngành liên quan
29.	Phát triển lối sống thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính	2021-2025	1.500	Sở LĐTB&XH	Sở, Ban, Ngành liên quan
30.	Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường Công thương ứng phó với biến đổi khí hậu	2021-2025	2.000	Sở Công thương	Sở, Ban, Ngành liên quan
31.	Điều tra và đề xuất giải pháp loại bỏ chất thải nhựa sử dụng một lần và túi ni long khó phân hủy trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2030	4.000	Sở TN&MT	Sở, Ban, Ngành liên quan
32.	Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp giảm phát thải trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	3.000		
V	Tăng cường năng lực quản lý về biến đổi khí hậu, hoàn thiện cơ chế chính sách		4.300		

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
33.	Rà soát, xây dựng các danh mục các quy hoạch và chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ để bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu	2021-2025	300	Sở Công thương	Sở, Ban, Ngành liên quan
34.	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu của tỉnh Phú Thọ	2021-2025	3.000	Sở TN&MT	Sở, Ban, Ngành liên quan
35.	Cập nhật đóng góp về thích ứng biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính trong việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	1.000		
VI	Xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phát triển năng lực và nâng cao nhận thức cộng đồng		32.500		
36.	Dự án đào tạo nguồn nhân lực tham gia bảo vệ và phát triển rừng	2021-2025	1.000	Sở NN&PTNT	Sở, Ban, Ngành liên quan
37.	Nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và năng lực ứng phó cho các Sở ban ngành, UBND huyện xã, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	5.000	Sở TN&MT	Sở, Ban, Ngành liên quan
38.	Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo về biến đổi khí hậu gồm cả những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học quản lý cho các đối tượng khác nhau	2021-2025	400	Sở GD&ĐT	Sở, Ban, Ngành liên quan
39.	Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo về biến đổi khí hậu cho các cấp học	2021-2025	500		
40.	Đào tạo đội ngũ tuyên truyền viên về biến đổi khí hậu trong ngành giáo dục tỉnh Phú Thọ	2021-2025	1.000		
41.	Nâng cao năng lực các trạm y tế xã vùng có nguy cơ bị tác động lớn do biến đổi khí hậu ở Phú Thọ	2021-2030	10.000	Sở Y tế	Sở, Ban, Ngành liên quan
42.	Nghiên cứu xây dựng và triển khai mô hình phòng chống tai nạn thương tích cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu tại một số vùng bị ảnh hưởng tại Phú Thọ	2021-2025	4.000		
43.	Tổ chức phổ biến tuyên truyền các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, các mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	2021-2025	600	Sở Công thương	Sở, Ban, Ngành liên quan

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tr.đồng)	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
44.	Nâng cao nhận thức và hỗ trợ chuyển đổi sản xuất xanh ở khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	2.000		
45.	Thực hành sử dụng tiết kiệm năng lượng và đánh giá tiềm năng về sử dụng năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	2.000		
46.	Hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Phú Thọ	2021-2025	4.000	Sở VH&TT&DL	Sở, Ban, Ngành liên quan
47.	Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức cộng đồng về biến đổi khí hậu	2021-2025	2.000	Sở TT&TT	Sở, Ban, Ngành liên quan
VII	Triển khai các hoạt động khoa học công nghệ làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách về biến đổi khí hậu, đánh giá tác động, xác định các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu		30.000		
48.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập lưu trữ, xử lý thông tin; Xây dựng hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu phục vụ việc xây dựng và thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu	2021-2030	4.000	Sở KH&CN	Sở, Ban, Ngành liên quan
49.	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật và sử dụng vật liệu mới vào phục vụ phòng chống giảm nhẹ thiên tai	2021-2025	2.000		
50.	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống giám sát biến đổi khí hậu tại Phú Thọ	2021-2030	10.000	Sở TN&MT	Sở, Ban, Ngành liên quan
51.	Đánh giá hiện trạng phát thải của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	5.000		
52.	Hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn, đảm bảo dự báo và cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết; Xây dựng cơ chế định kỳ, đánh giá và giám sát biến đổi khí hậu	2021-2025	5.000		
53.	Nghiên cứu, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng, chống thiên tai và cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2021-2025	4.000	Sở NN&PTNT	Sở, Ban, Ngành liên quan
Tổng cộng			213.985		